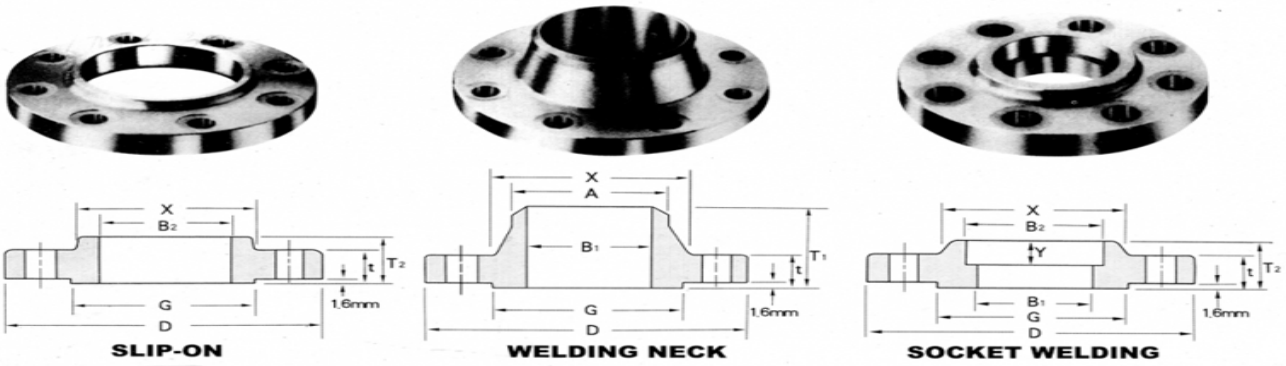


MẶT BÍCH RỔNG INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS

MÃ SẢN PHẨM	SP - 51
TÊN SẢN PHẨM	MẶT BÍCH RỔNG THÉP ĐÚC ASTM A105 ANSI 150 LBS
Loại Bích	Bích rỗng nâng cao mặt / Slip On / SORF, mặt phẳng / FF
Chất Liệu	Thép đúc áp lực-Forged carbon steel ASTM A105, SA 105 N
Tiêu Chuẩn	ASME/ ANSI B 16.5
Áp Lực	Class 150 lbs ~ Class 300 lbs ~ Class 600 lbs
Kích Cỡ	DN15A → DN600A ≈ (½" inch → 24" inch) ≈ (22.4 mm → 616 mm)
Sử Dụng	Nước, nước thải, hơi nóng, khí nén, gas, xăng, dầu, thủy lực,...
Sản Phẩm	Phủ sơn chống gỉ, vàng trong, sơn đen, mạ kẽm & nhúng nóng

Tình Trạng	Hàng có sẵn, mới 100%
Xuất Xứ	Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam

CLASS 150 FLANGES



ANSI B16.5 FORGED FLANGES

Unit:mm

Nominal Pipe Size	Outside Diam	O.D.of Raised Face	At Base of Hub	Thickness	BORE			LENGTH THRU HUB			Diam.of Hub at Bevel	Radius of Fillet	Thread Length
					Welding Neck Socket Welding	Slip—on Socket Welding	Lap Joint	Welding Neck	Slip—on Threaded Socket Welding	Lap Joint			
	D	G	X	t	B_1	B_2	B_3	T_1	T_2	T_3	A	R	Q
1/2	89	35.1	30.2	11.2	15.7	22.4	22.9	47.8	15.7	15.7	21.3	3.0	15.7
3/4	99	42.9	38.1	12.7	20.8	27.7	28.2	52.3	15.7	15.7	26.7	3.0	15.7
1	108	50.8	49.3	14.2	26.7	34.5	35.1	55.6	17.5	17.5	33.5	3.0	17.5
1¼	117	63.5	58.7	15.7	35.1	43.2	43.7	57.2	20.6	20.6	42.2	4.8	20.6
1½	127	73.2	65.0	17.5	40.9	49.5	50.0	62.0	22.4	22.4	48.3	6.4	22.4
2	152	91.9	77.7	19.1	52.6	62.0	62.5	63.5	25.4	25.4	60.5	7.9	25.4
2½	178	104.6	90.4	22.4	62.7	74.7	75.4	69.9	28.4	28.4	73.2	7.9	28.4
3	191	127.0	108.0	23.9	78.0	90.7	91.4	69.9	30.2	30.2	88.9	9.7	30.2
3½	216	139.7	122.2	23.9	90.2	103.4	104.1	71.4	31.8	31.8	101.6	9.7	31.8
4	229	157.2	134.9	23.9	102.4	116.1	116.8	76.2	33.3	33.3	114.3	11.2	33.3
5	254	185.7	163.6	23.9	128.3	143.8	144.5	88.9	36.6	36.6	141.2	11.2	36.6
6	279	215.9	192.0	25.4	154.2	170.7	171.5	88.9	39.6	39.6	168.4	12.7	39.6
8	343	269.7	246.1	28.4	202.7	221.5	222.3	101.6	44.5	44.5	219.2	12.7	44.5
10	406	323.9	304.8	30.2	254.5	276.4	277.4	101.6	49.3	49.3	273.1	12.7	49.3
12	483	381.0	365.3	31.8	304.8	327.2	328.2	114.3	55.6	55.6	323.9	12.7	55.6
14	533	412.8	400.1	35.1	336.6	359.2	360.2	127.0	57.2	79.2	355.6	12.7	57.2
16	597	469.9	457.2	36.6	387.1	410.5	411.2	127.0	63.5	87.4	406.4	12.7	63.5
18	635	533.4	505.0	39.6	438.2	461.8	462.3	139.7	68.3	96.8	457.2	12.7	68.3
20	699	584.2	558.8	42.9	489.0	513.1	514.4	144.5	73.2	103.1	508.0	12.7	73.2
24	813	692.2	663.4	47.8	590.6	616.0	616.0	152.4	82.6	111.3	609.6	12.7	82.6

Sản phẩm khác



RẮC CO REN THÉP RÈN A105

Xem thêm RẮC CO REN THÉP RÈN A105



CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L

Xem thêm CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L

MẶT BÍCH RỔNG INOX 304

Xem thêm MẶT BÍCH RỔNG INOX 304

MẶT BÍCH INOX 304

Xem thêm MẶT BÍCH INOX 304



MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40

Xem thêm MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40



MẶT BÍCH CỔ INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS

Xem thêm MẶT BÍCH CỔ INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS